CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn CNT

Ngày 31/12/2025	7,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.1%	-	-

DT thuần
Q4/25
25.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.8| 119%
YoY: ▼4.20| -14.2%

LN thuần
Q4/25
3.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.45| -41.3%
YoY: ▼13.5| -79.6%

LN sau thuế
Q4/25
-2.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.67| -143%
YoY: ▼15.4| -123%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
21.3%
YoY: +/-▼ 50.7%

ROE
2025
1.1%
YoY: +/-▼ 20.3%

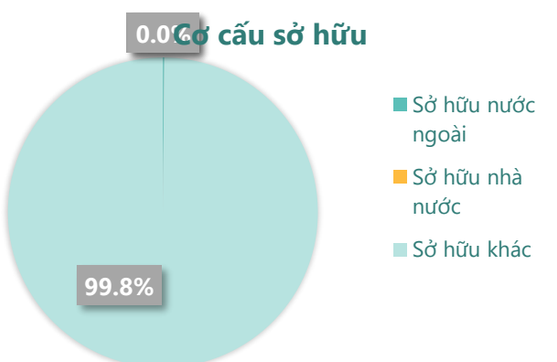
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,200 - 11,424
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	490
Số lượng CPLH (CP)	65,380,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,335
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.55
EPS	113
P/E	66.1

DT thuần
2025
55.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼178| -76.3%

LN thuần
2025
13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼151| -91.8%

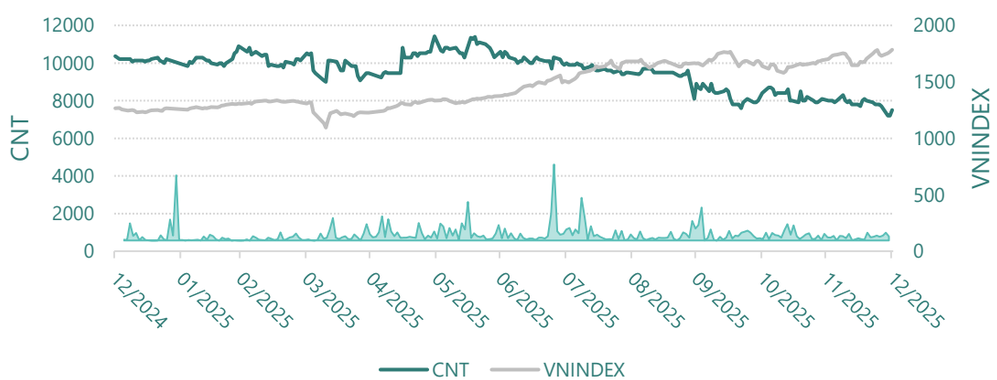
LN sau thuế
2025
7.42
tỷ VNĐ
YoY: ▼128| -94.5%

Cơ cấu sở hữu

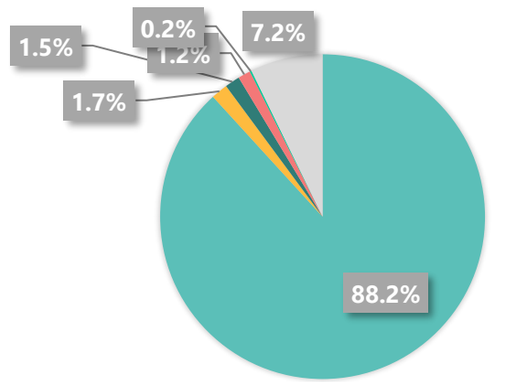


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

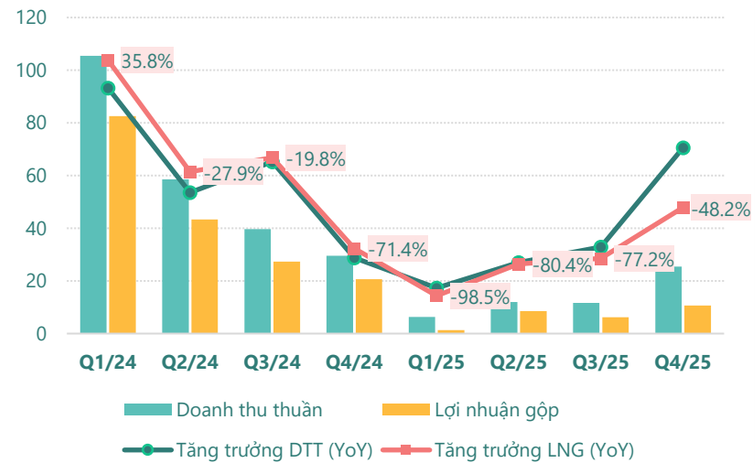


CTCP Hồng Mã
Phạm Quốc Khánh (Chủ tịch HĐQT)
Nguyễn Mạnh Hiếu
Nguyễn Viết Tân
Công đoàn CTCP Tập đoàn CNT
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

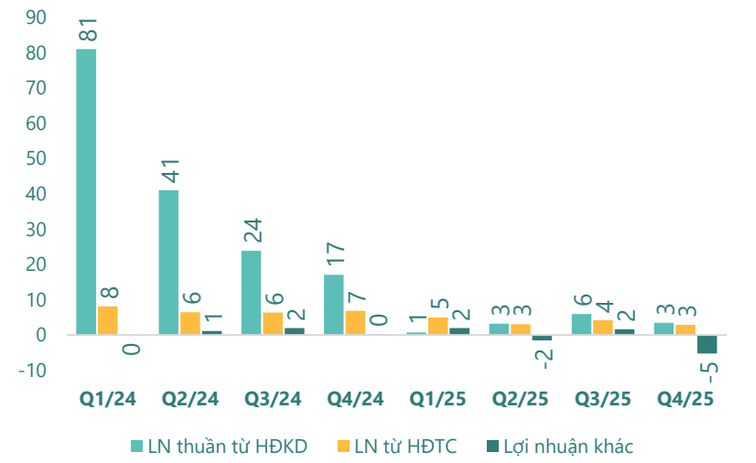
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



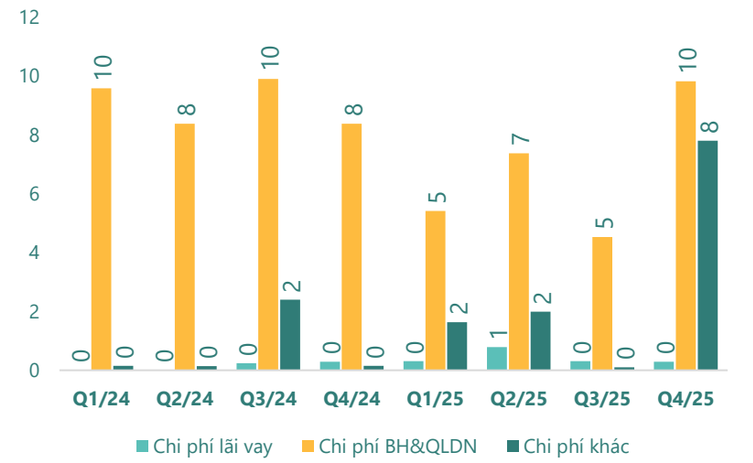
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



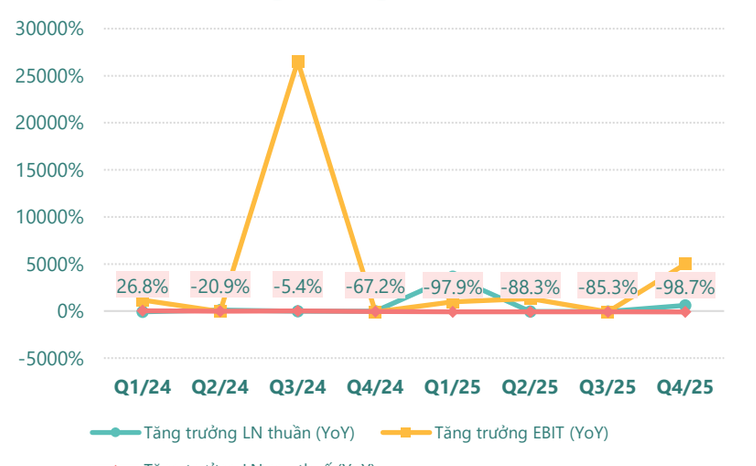
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



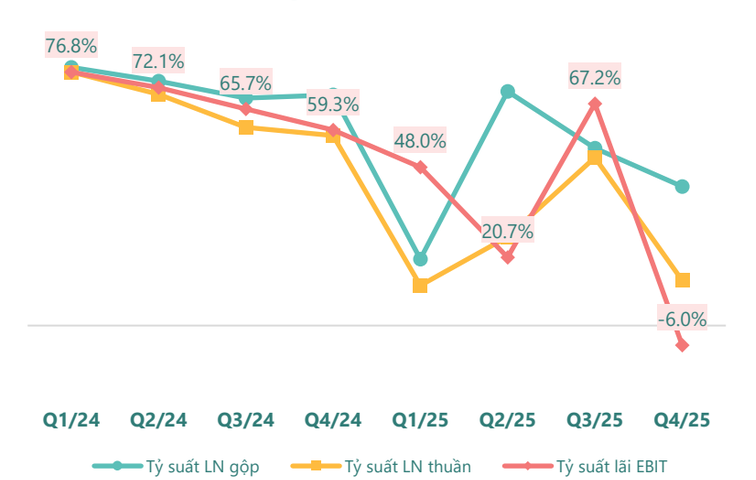
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



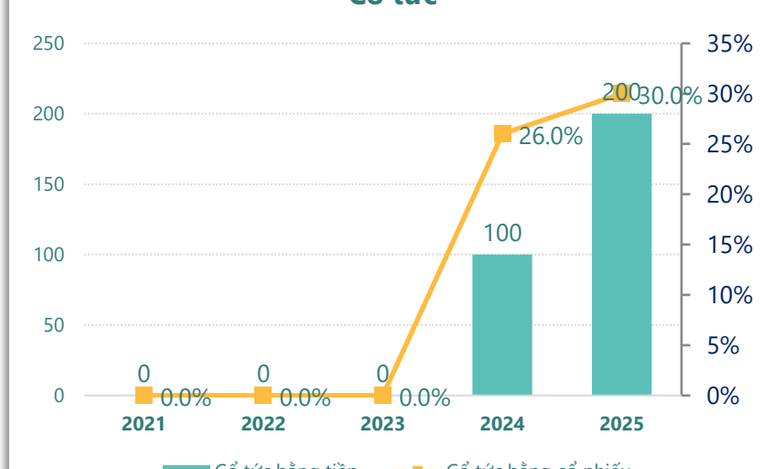
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

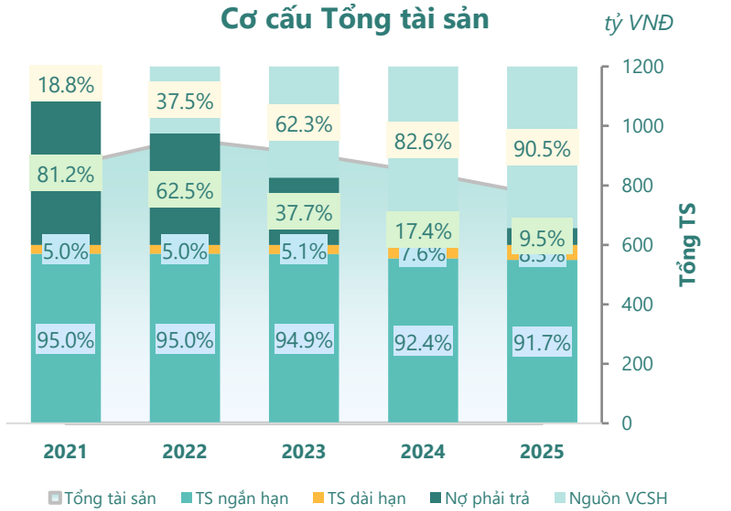
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

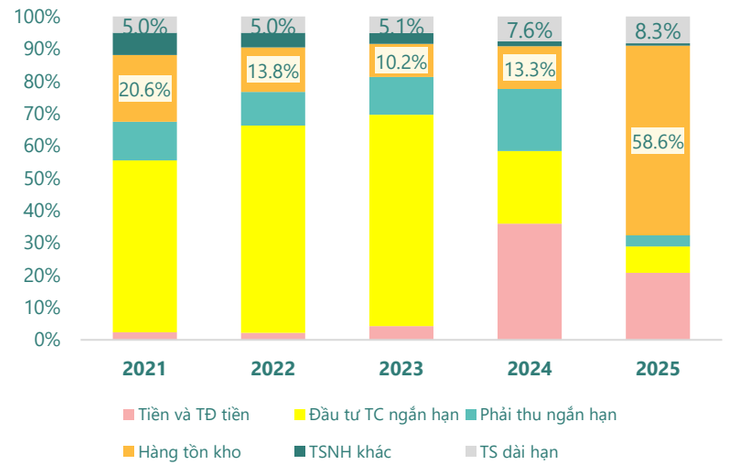
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



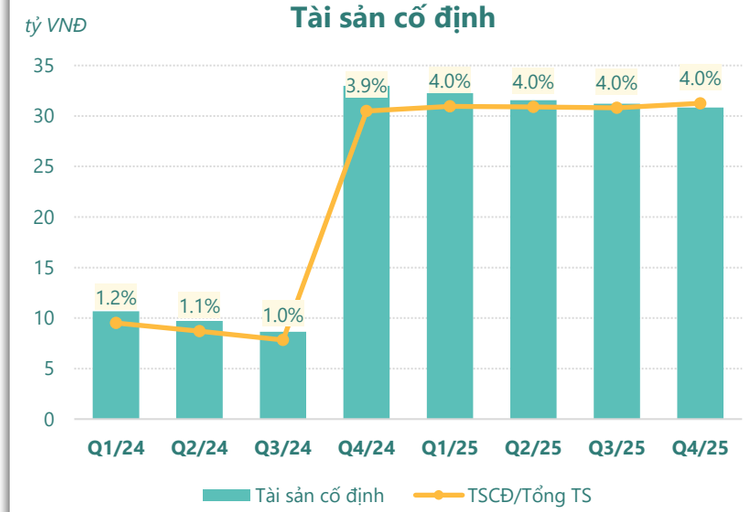
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



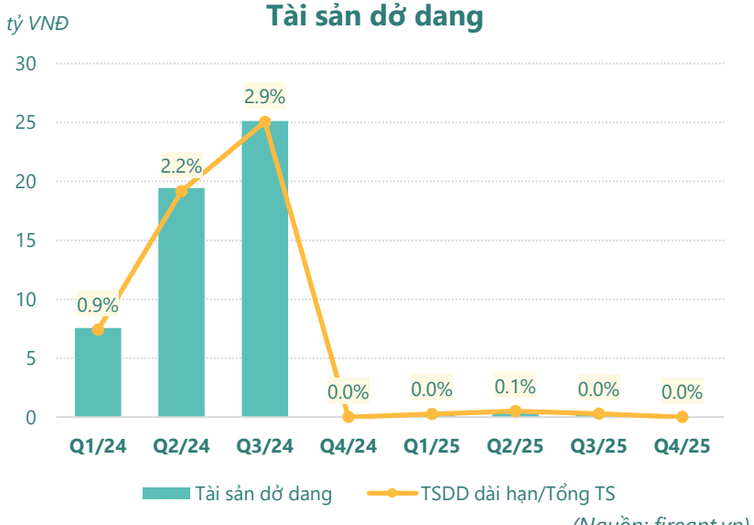
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



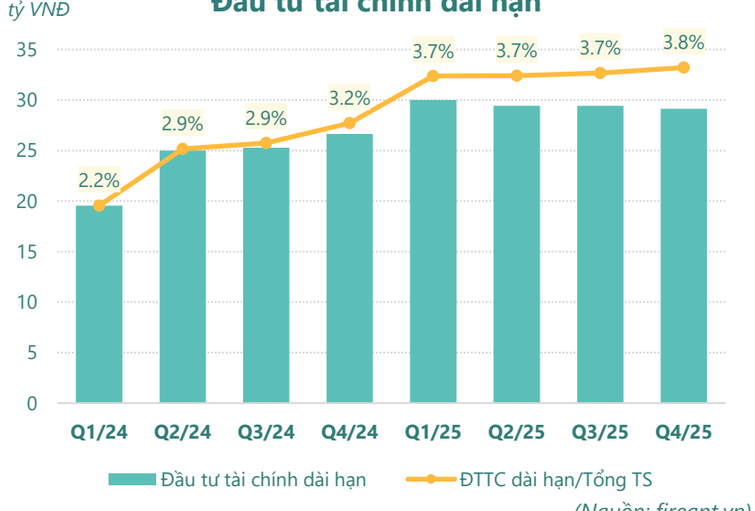
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



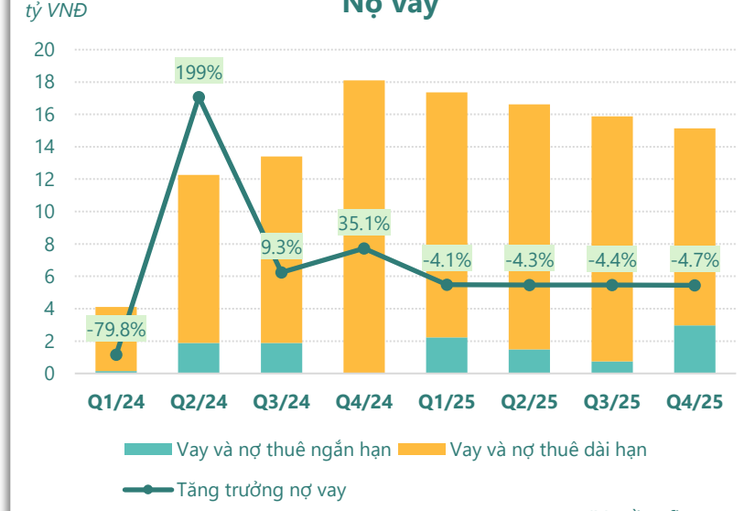
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

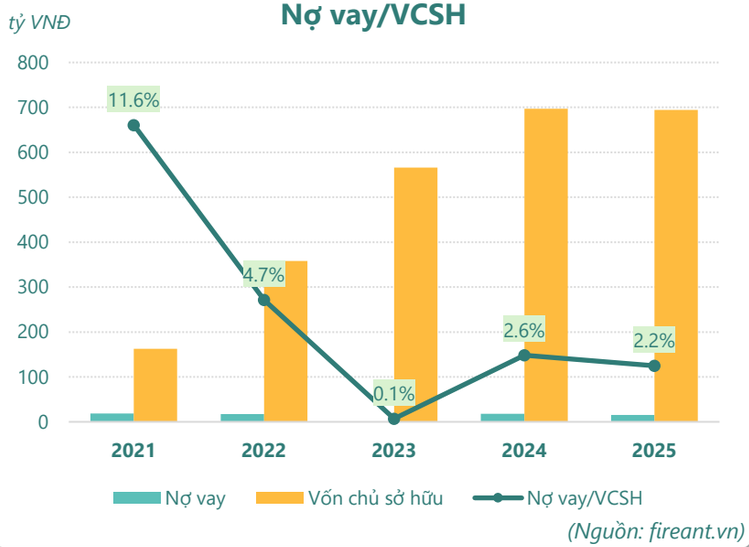
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

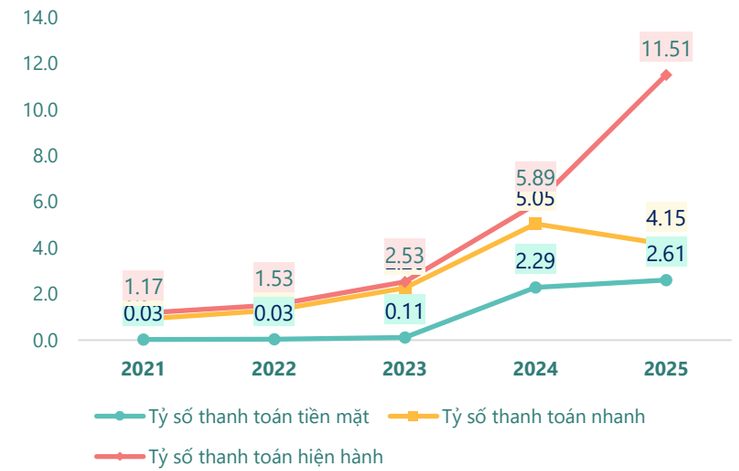
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



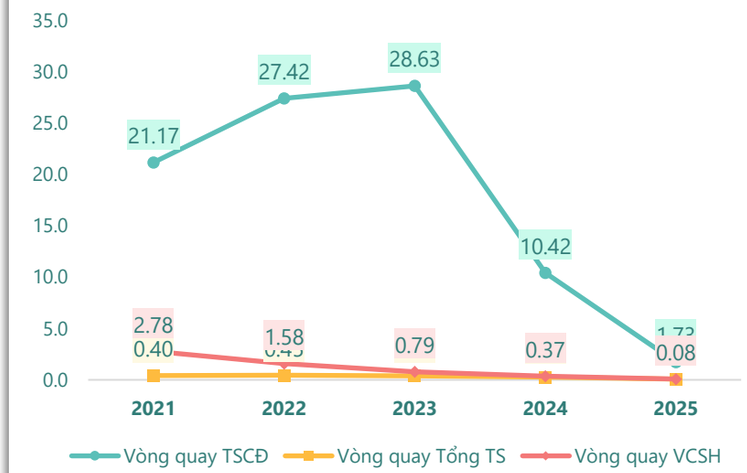
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



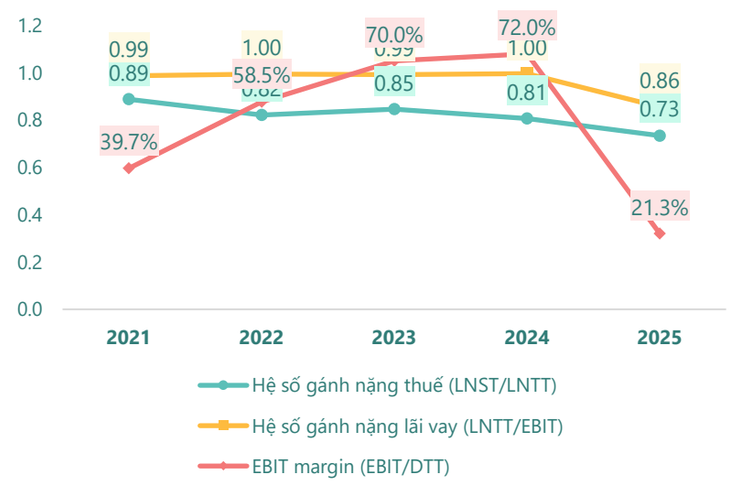
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



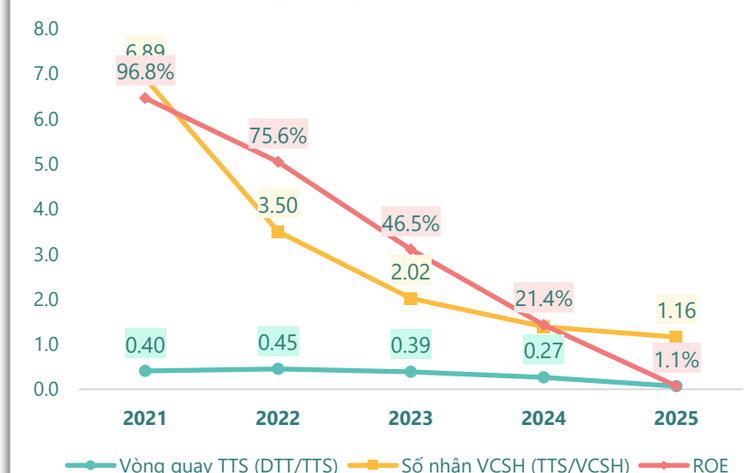
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



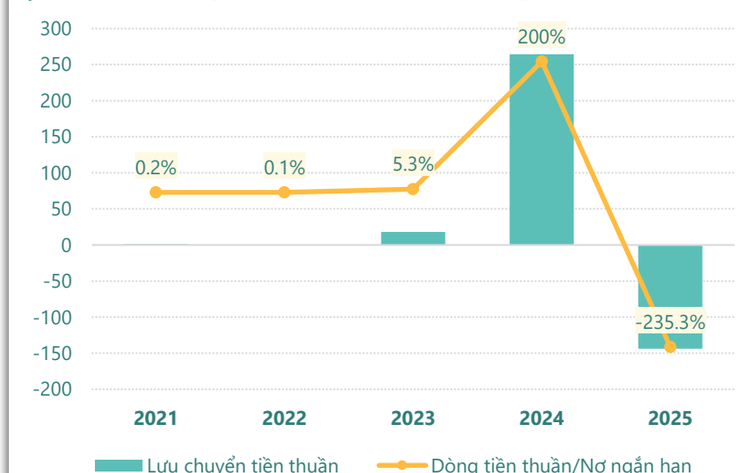
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**25.4**	**29.6**	**-14.2%**	**55.3**	**233**	**-76.3%**
Giá vốn hàng bán	14.7	8.91	64.8%	28.5	59.5	-52.0%
Lợi nhuận gộp	10.7	20.7	-48.3%	26.7	174	-84.6%
Doanh thu HĐTC	3.18	6.59	-51.8%	16.8	28.8	-41.7%
Chi phí TC	0.29	-0.28	205%	1.70	0.75	126%
Chi phí lãi vay	0.29	0.29	1.4%	1.70	0.56	202%
LN trong công ty LKLD	**-0.29**	**-2.14**	**86.4%**	**-1.27**	**-1.54**	**17.7%**
Chi phí bán hàng	1.02	1.91	-46.4%	2.51	16.3	-84.6%
Chi phí QLDN	**8.81**	**6.48**	**35.9%**	**24.7**	**19.8**	**24.5%**
LN thuần từ HĐKD	3.47	17.0	-79.6%	13.4	164	-91.8%
Lợi nhuận khác	**-5.28**	**0.21**	**-2614%**	**-3.28**	**3.28**	**-200%**
LN trước thuế	-1.81	17.2	-111%	10.1	167	-94.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.92**	**12.5**	**-123%**	**7.42**	**135**	**-94.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.92**	**12.5**	**-123%**	**7.42**	**135**	**-94.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-45.6	-197	-38.8	-16.4	-52.0	-186
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	66.6	133	-68.9	152	-38.8	98.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.86	112	-0.74	-1.81	24.9	-15.4
Tiền đầu kỳ	55.8	74.0	303	195	328	263
Lưu chuyển tiền thuần	**18.2**	**49.2**	**-108**	**134**	**-65.8**	**-103**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	74.0	123	195	328	263	159

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**767**	**844**	**-9.1%**
Tài sản ngắn hạn	704	780	-9.7%
Tiền và tương đương tiền	159	303	-47.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.0	190	-67.3%
Phải thu ngắn hạn	26.7	162	-83.5%
Hàng tồn kho	450	112	302%
Tài sản ngắn hạn khác	5.66	13.0	-56.4%
Tài sản dài hạn	**63.9**	**64.6**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	2.83	3.21	-11.7%
Tài sản cố định	30.8	33.0	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0.72	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	29.1	26.5	10.1%
Tài sản dài hạn khác	**0.35**	**1.94**	**-81.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	73.0	147	-50.4%
Nợ ngắn hạn	**61.1**	**132**	**-53.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.97	2.97	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.99	4.29	-76.8%
Nợ dài hạn	11.9	14.7	-19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	15.1	-19.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**694**	**697**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**694**	**697**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	655	504	29.9%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)